

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 720/UBND-CN ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền lập hồ sơ cấp phép thăm dò mở rộng mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Xét Đơn và hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 210/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền được thăm dò khoáng sản đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

- Diện tích khu vực thăm dò: 3,65 ha được giới hạn bởi các điểm góc 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰ được xác định trên bản đồ kèm theo;

- Thời hạn thăm dò: 2,5 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép;
- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;
- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước);
- Lệ phí giấy phép: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước;

2. Thực hiện thăm dò đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành;

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định;

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện;

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ địa chất theo quy định hiện hành.

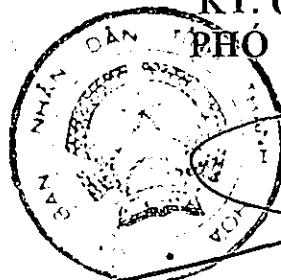
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (05b);
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

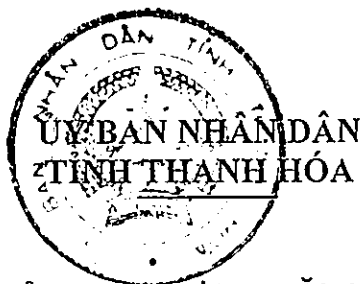
Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu



Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐÁ SPILIT LÀM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 80 /GP-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực thăm dò	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
Diện tích 3,65 ha	11	2215 119.50	585 346.02
	12	2215 103.33	585 388.54
	13	2215 078.67	585 418.19
	14	2215 055.80	585 413.63
	15	2214 968.65	585 554.02
	16	2214 854.47	585 523.98
	17	2214 883.95	585 333.01



Phụ lục số 3

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: 80 /GP-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	K. lượng	Ghi chú
I	Công tác trắc địa			
1	Lập lưới khống chế độ cao đo đạc	km	7,2	
2	Lập lưới khống chế mặt phẳng bằng phương pháp đa giác, đường sườn	km	7,2	
3	Đo vẽ địa hình TL 1/2.000	ha	4,56	
4	Đo vẽ mặt cắt trữ lượng TL 1/2.000	km	0,54	
5	Định tuyến công trình	km	0,22	
6	Thu đo công trình địa chất hai chiều	điểm	10	
II	Công tác địa chất			
1	Đánh giá khoáng sản TL 1/2.000	ha	3,65	
2	Thi công hào	m ³	15	
3	Thi công khoan	m	232	
III	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu			
1	Lấy mẫu			
1.1	Lấy mẫu hóa	mẫu	20	
1.2	Lấy mẫu cơ lý đá nguyên khai	mẫu	6	
1.3	Lấy mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	4	
1.4	Lấy mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	2	
2	Gia công mẫu			
2.1	Gia công mẫu hóa (0,3- 1kg)/mẫu	mẫu	20	
2.2	Gia công mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	4	
2.3	Gia công mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	2	
3	Phân tích, thí nghiệm mẫu			
3.1	Phân tích mẫu hóa (6 chỉ tiêu)	mẫu	20	
3.2	Phân tích mẫu cơ lý đá nguyên khai	mẫu	6	
3.3	Phân tích mẫu cơ lý đá dăm	mẫu	4	
3.4	Thí nghiệm mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	2	
III	Tổng kết báo cáo			
1	Lập báo cáo tổng kết			
2	Đánh máy			